

Kích thích tăng trưởng & Kiểm chế lạm phát

TS. HOÀNG XUÂN QUẾ

Đại học Kinh tế quốc dân

Hai chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng nhất được Chính phủ quan tâm chỉ đạo hiện nay đó là kích thích tăng trưởng kinh tế và kiểm chế lạm phát theo mục tiêu cụ thể đã được đề ra cho năm 2009. Kèm theo đó là vấn đề giải quyết được việc làm mới cho người lao động và đảm bảo an sinh xã hội, đời sống của người dân nếu chỉ số giá trên thị trường xã hội không được khống chế chặt chẽ. Dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm nay có thể đạt 5,0%- 5,2%, lạm phát có thể chỉ dừng ở con số 7,0%. Để đạt được các mục tiêu nói trên thì quan trọng là vốn, đưa vốn ra hợp lý và đầu tư vốn có hiệu quả. Do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2009 và số vốn giải ngân cũng thấp hơn rất nhiều cùng kỳ các năm gần đây. Bởi vậy việc sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn nước ngoài khác, các nguồn vốn ngân sách Nhà nước và vốn tín dụng ngân hàng là hết sức quan trọng cho tăng trưởng. Nhưng đối với vốn tín dụng ngân hàng thì lại liên quan chặt chẽ đến mức độ tăng trưởng dư nợ cho vay hợp lý và những lo ngại khác liên quan đến lạm phát. Vậy giải quyết vấn đề này như thế nào!

Đứng về mặt lý thuyết cũng như thực tiễn, thông lệ trên thế giới cũng như ở Việt Nam, giải quyết mối quan hệ giữa thúc đẩy tăng trưởng và kiểm soát lạm phát trong điều hành chính sách tiền tệ là vấn đề phức tạp và là bài toán khó. Song đối với trường hợp của Việt Nam hiện nay thì cần phân tích diễn biến chỉ số tăng giá tiêu dùng trên thị trường xã hội (CPI) để thấy rõ bản chất, cũng như nguyên nhân trực tiếp trên cơ sở đó có những điều chỉnh trong điều hành chính sách tiền tệ một cách phù hợp.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong 9 tháng đầu năm 2009, chỉ số giá tiêu dùng trên thị trường xã hội (CPI) tăng 7,64% so với cùng kỳ năm 2008, nhưng đến hết tháng 9-2009 chỉ tăng 4,11% so với tháng 12-2008 và có xu hướng giảm

nhẹ trong một số tháng gần đây mặc dù tháng 9 - 2009 có mức tăng khá trở lại; cụ thể: tháng 1-2009 tăng 0,32%, tháng 2 tăng 1,17%, tháng 3 giảm 0,17%, tháng 4 tăng 0,35%, tháng 5 tăng 0,44%, tháng 6 tăng 0,55%, tháng 7-2009 tăng 0,52%, tháng 8-2009 tăng 0,24% và tháng 9-2009 tăng 0,62%. Còn nếu so sánh chỉ số CPI tháng 9-2009 với tháng 9-2008 thì chỉ tăng có 2,42%. Trong khi đó bản chất hay nguyên nhân tăng giá trong 9 tháng đầu năm nay chủ yếu do điều chỉnh giá xăng dầu, cước phí giao thông tăng, giá điện,... Ví dụ như trong riêng tháng 7-2009, chỉ số CPI tăng 0,52% thì riêng nhóm mặt hàng phương tiện đi lại và bưu điện đã tăng mạnh nhất tới 3,02%. Trong tháng 8-2009 chỉ số CPI tăng 0,24% thì nhóm mặt hàng



này đã tăng 1,31%. Tương tự tháng 9-2009 chỉ số CPI tăng 0,62% thì nhóm phương tiện đi lại, bưu điện tăng 2,37%. Từ đầu năm 2009 đến nay Chính phủ đã cho phép điều chỉnh tăng giá bán lẻ xăng dầu tới 7 lần và chỉ có 1 lần giảm giá bởi những biến động giá xăng dầu trên thị trường thế giới. Đồng thời chủ trương của Chính phủ là đảm bảo giá bán lẻ xăng dầu theo giá thị trường, giảm bù lỗ từ Ngân sách Nhà nước, góp phần giảm bội chi ngân sách và từ đó giảm bao cấp qua giá bán lẻ mặt hàng này.

Trong 9 tháng đầu năm 2009, CPI tăng cao nhất là nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng, tăng tới 9,6%; đồ dùng và dịch vụ khác tăng 4,22%; ăn uống ngoài gia đình tăng 7,92% và đồ uống, thuốc lá tăng 5,91%;...Việc tăng giá khá của các nhóm mặt hàng này ít thấy liên hệ một cách rõ rệt từ yếu tố tiền tệ, lại càng khó “đổ tội” do mở rộng tín dụng làm cho CPI tăng cao.

Tuy nguyên nhân chính CPI có tốc độ tăng nói trên không phải là tiền tệ nhưng cũng không thể phủ nhận yếu tố tỷ giá tác động lên mặt bằng giá trên thị trường xã hội. Cũng theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong 9 tháng đầu năm 2009, tỷ giá VND/USD tăng tới 6,12% và bình quân 9 tháng đầu

năm nay so với bình quân 9 tháng đầu năm 2009 tăng tới 9,08%. Việc tỷ giá tăng càng tác động lên giá bán lẻ xăng dầu thị trường trong nước. Đặc biệt là giá bán lẻ các mặt hàng khác nhập khẩu từ nước ngoài hay có phụ tùng, nguyên vật liệu, linh kiện nhập khẩu, như: máy tính, đồ điện tử, điện lạnh, hóa chất, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, dược phẩm, thuốc chữa bệnh và vật tư y tế, nguyên liệu hàng dệt may và giày da, vật liệu xây dựng cao cấp, ô tô và phụ tùng ô tô, xe gắn máy và phụ tùng xe gắn máy, thiết bị máy móc và phương tiện khác, thiết bị văn phòng,...cũng tăng theo biến động tỷ giá. Trong đó rõ nét nhất là giá bán ô tô, xe gắn máy thị trường trong nước. Hay nói cách khác, tỷ giá tăng tới 6,12 % có tác động nhất định đến hình thành mặt bằng giá trong nước chưa kể tác động đến nợ nước ngoài của Chính phủ và của doanh nghiệp.

Thị trường chứng khoán (TTCK) và thị trường bất động sản (BDS) phục hồi một mặt do nền kinh tế nước ta đang ra khỏi những tác động của khủng hoảng tài chính, nhưng mặt khác cũng không thể loại trừ yếu tố vốn tín dụng ngân hàng chạy sang hai kênh này. Nguồn gốc cụ thể chủ yếu từ các kênh vay tiêu dùng của hộ gia đình, kênh đầu tư dự án với danh nghĩa là cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó tác động lên mặt bằng giá cả vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất và nhiều mặt hàng khác.

Bởi vậy để thực hiện hai chỉ tiêu kinh tế quan trọng nhất theo quyết tâm phấn đấu của Chính phủ, thì cần giải quyết cả hai vấn đề hiệu quả sử dụng vốn cho tăng trưởng và kiểm soát tiền có thể gây ra lạm phát.

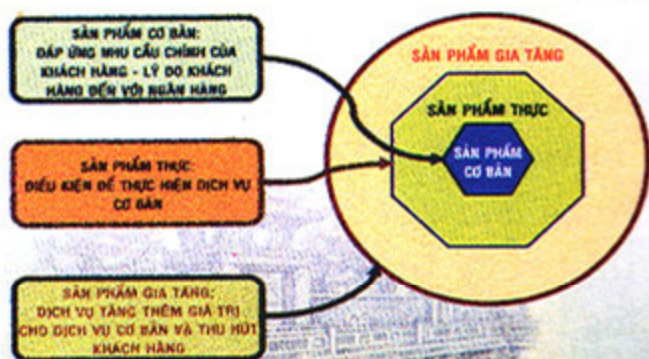
Giải pháp đầu tiên có lẽ là quan trọng nhất đó là cần thực hiện các biện pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu chính phủ, vốn ODA, vốn tín dụng đầu tư. Thực hiện hiệu quả, tránh thất thoát, tham nhũng, các tiêu cực khác và tránh ứ đọng các nguồn vốn này cũng có ý nghĩa góp phần kiềm chế lạm phát, giảm thiểu việc phát sinh chi phí ngoài dự toán, vốn bị đội lên ngoài dự kiến ban đầu đưa nhanh các công trình đó vào sử dụng, phát huy hiệu quả đối với nền kinh tế.

Biện pháp cụ thể cần được thực thi đó là giám sát chặt chẽ tiến độ thực hiện dự án, thay thế kịp thời nhà thầu không đủ năng lực thi công, kiên quyết và giải quyết dứt điểm trong giải phóng mặt bằng, linh hoạt giải quyết các phát sinh. Xử lý



TẠP CHÍ **Công nghệ ngân hàng**
SỐ 11 (THÁNG 07-08/2009)
Banking Technology Review

Phát triển sản phẩm ngân hàng mới



MỘT TRĂM NGHÌN ĐỒNG

100.000

... thách thức và cơ hội đối với ngân hàng TMCP khi Việt Nam gia nhập WTO



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BANKING UNIVERSITY HCMC

nghiêm minh cán bộ có tiêu cực, cán bộ không dám chịu trách nhiệm và cán bộ không có chuyên môn, nghiệp vụ, bản lĩnh và năng lực trong thực thi công việc có liên quan.

Giải pháp quan trọng tiếp theo đó là thực hiện có hiệu quả gói kích cầu hỗ trợ lãi suất vay vốn tín dụng ngân hàng. Cần tiến hành đánh giá những vướng mắc, lực cản của gói kích cầu hỗ trợ nông dân mua máy móc nông nghiệp, xây dựng nhà ở và máy vi tính ở nông thôn, chương trình hỗ trợ lãi suất vay vốn trung dài hạn và chương trình hỗ trợ lãi suất ở 61 huyện nghèo trong cả nước. Bởi vì cho đến nay chưa thấy có số liệu được công bố chính xác và đầy đủ, nhưng từ nhiều nguồn thông tin khác nhau cho thấy kết quả giải ngân vốn cho vay 3 chương trình đó còn thấp. Mục tiêu đề ra từ đầu của Chính phủ nhằm hỗ trợ người nông dân, khu vực nông thôn và các vùng đặc biệt khó khăn giảm thiểu tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới, nên cần có biện pháp đẩy mạnh cho vay hỗ trợ lãi suất cho các chương trình nói trên. Được biết chương trình hỗ trợ 4%/năm mức lãi suất vốn vay ngắn hạn, đến giữa tháng 10-2009 cả nước đã thực hiện được con số dư nợ 409.406 tỷ đồng, nhưng hộ sản xuất chỉ được vay 68.086 tỷ đồng, mới chiếm được khoảng 17,0% trong số vốn vay đó. Một con số còn khiêm tốn so với số lượng trên 13 triệu hộ trong toàn quốc.

Bên cạnh đó cần duy trì việc tăng cường thanh tra, kiểm soát chặt chẽ việc cho vay tại các ngân hàng thương mại (NHTM) và tổ chức tín dụng khác nhằm ngăn chặn, hạn chế vốn tín dụng ngân hàng chảy vào TTCK và đầu cơ BĐS. Đây là hai lĩnh vực đang dấy lên nhiều lo ngại về hiệu quả kích thích tăng trưởng kinh tế, về rủi ro trong hoạt động ngân hàng và đặc biệt tạo nên những bong bóng về BĐS, về chứng khoán, gây rủi ro cho nền kinh tế.

Về chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng, chỉ nên coi đây là định hướng trong điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng theo xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế. Mức tăng trưởng cụ thể tùy theo năng lực quản trị rủi ro, năng lực điều hành của từng NHTM và đặc biệt là căn cứ vào nhu cầu vốn đầu tư cho sản xuất kinh doanh có hiệu quả của nền kinh tế. Về nguyên tắc NHTM không từ chối nhu cầu vay vốn hợp lý, có đảm bảo, có hiệu quả, có ý nghĩa về giải quyết việc làm của cả hộ sản xuất lẫn doanh nghiệp. Đặc biệt là cần đảm bảo đủ vốn cho thu mua nông sản, thủy hải sản cho xuất khẩu, cho sản xuất hàng xuất khẩu, cho sản xuất nông nghiệp,... Một nền kinh tế đang cần phục hồi nhanh, vững chắc sau giai đoạn bị tác động mạnh của khủng hoảng tài chính thì cần ưu tiên cho tăng trưởng kết hợp với chủ động kiểm soát lạm phát.

Tỷ giá cần được điều hành linh hoạt theo hướng ổn định tương đối. Cần đánh giá đầy đủ tác động hai chiều của việc phá giá Đồng Việt Nam hay để cho tỷ giá VND/USD biến động tới trên 5% trong 1 năm.

Giải quyết vốn một cách có hiệu quả và linh hoạt, không những tạo điều kiện đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát của năm 2009 mà còn cho cả năm 2010 vì sự tác động còn có độ trễ. Bởi vậy cần có sự triển khai đồng bộ và chặt chẽ giữa các biện pháp về cả tài chính và tiền tệ.

Được biết để ngăn chặn tình trạng suy thoái kinh tế, tăng trưởng tín dụng tại nhiều quốc gia có xu hướng gia tăng cao các năm trước. Tại Trung Quốc, tỷ lệ này đến nay là khoảng 40%. Tại Việt Nam được biết đến hết tháng 9-2009, mức tăng trưởng tín dụng đã là 28%. Trong 3 tháng còn lại của năm 2009 nếu tín dụng của các NHTM vẫn tăng trưởng ổn định đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn của nền kinh tế, thì cần chấp nhận sự tăng trưởng vượt dự kiến từ đầu năm ■